

Final

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Số 206A - Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 04 35 540 845

Fax: 04 35 540 847

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo quyết định số 10A/2009/QĐ - HĐQT ngày 02/02/2009 của Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/01/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 22/06/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 10/8/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02/10/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 23/6/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13/3/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18/6/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 03/8/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 11/12/2009;

Vốn Điều lệ : **80.000.000.000 VND** (Tám mươi tỷ đồng Việt Nam)

Mệnh giá cổ phần: **10.000 VND**

Số cổ phần đã đăng ký mua: **5.000.000 cổ phần**

Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Hồng		(*)
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	109.150
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	76.080

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C - P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	46.000
5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	87.081
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	57.000
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	51.600

(: Đã chuyển nhượng cổ phần.)***Khái quát chung về các Công ty con của Công ty****+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha No.1 Investment and Contruction Joint stock company, tên viết tắt là Hong Ha No.1.JSC, tiền thân là Công ty Cổ phần Biển Đông và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hồng Hà theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 13/BB-HĐQT ngày 05/10/2006. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008008 ngày 02/6/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2006;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 27/3/2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai thì vốn Điều lệ của Công ty là: **6.000.000.000 VND** (Sáu tỷ đồng)

Trụ sở của Công ty: 206A Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội

Tel : 04 35 543 382

Fax : 04 35 543 381

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: **51%**Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: **51%****+ Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Hồng Hà**

Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà tên viết tắt HONG HA COMIC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008962 ngày 03/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp. Công ty có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 07/7/2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 07/7/2008, vốn Điều lệ của Công ty là **3.100.000.000 VND** (Ba tỷ một trăm triệu đồng)

Trụ sở của Công ty: Lô 290 KDC Bình Hòa, P13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel : 08 62 581 889

Fax : 08 62 581 890

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: **51%**

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: **64,52%**

+ **Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí**

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí tên giao dịch là Hong Ha Dau Khi Design Consultant Joint Stock Company, tên viết tắt là Hong Ha Architects.,Jsc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 15/9/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/10/2008. Công ty có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23/4/2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027139 thì Vốn điều lệ của Công ty là **2.000.000.000 VND** (Hai tỷ đồng).

Trụ sở của Công ty: Tầng 9 Cotana Group Building, CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Tel : 04 3 6417 170

Fax : 04 3 6417 169

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: **51%**

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: **51%**

+ **Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí**

Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí, tên giao dịch là Tu Hiep Hong Ha Petroleum Joint stock Company (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Tư Hiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019106 ngày 22/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 05 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27/12/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 11/02/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 19/11/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 16/12/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 08/04/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 thì:

Vốn Điều lệ của Công ty là: **160.000.000.000 VND** (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính : Tầng 3 Nhà C, 125 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tel : 04 3 5666 503

Fax : 04 3 5666 501

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: **51,21%**

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: **51%**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

+ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công

Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, tên giao dịch là Hong Ha Thanh Cong One member company limited (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Thanh Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110623 ngày 01/04/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 2 ngày 25 tháng 06 năm 2010. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 thì:

Vốn Điều lệ của Công ty là: **15.000.000.000 VND** (Mười lăm tỷ đồng).

Trụ sở chính : K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Tel : 04 3 5568 111

Fax : 04 3 5567 510

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: **100%**

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: **100%**

+ Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long tên giao dịch là Quang Long Construction and Trading Company Limited, tên viết tắt là Quang Long Co., Ltd (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400316920 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 10/7/2009. Công ty có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400316920 thay đổi lần thứ nhất ngày 07/9/2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là **11.000.000.000 VND** (Mười một tỷ đồng).

Trụ sở chính : Đội 6, thôn Suối Này, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Tel : 02182. 4747 64

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: **51%**

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: **51%**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110kv, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hoá;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)
- Tư vấn đấu thầu;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
 - + Dịch vụ định giá bất động sản;
 - + Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản;
 - + Dịch vụ đấu giá bất động sản;
 - + Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
 - + Dịch vụ quản lý bất động sản./.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Lê Hoàng Anh
- Ông Hoàng Quốc Huy
- Bà Đoàn Thị Bích Hà
- Ông Trịnh Thanh Giảng
- Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Chức vụ

- Chủ tịch
- Ủy viên
- Ủy viên
- Ủy viên
- Ủy viên

Ban Giám đốc

- Ông Hoàng Quốc Huy
- Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Bà Đoàn Thị Bích Hà Phó Tổng giám đốc
- Ông Huỳnh Thanh Quyết Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Quang Việt Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Văn Long Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/02/2010)
- Ông Phạm Vinh Hiền Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/02/2010)
- Bà Lê Hoài Thu Kế toán trưởng

Trụ sở chính

Địa chỉ : 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

Tel : 04 35 540 845

Fax : 04 35 540 847

Mã số thuế : 0100109674

Các đơn vị trực thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Giám đốc
CN TP. Hồ Chí Minh	Số 96/108 đường Trục - Phường 13 - Quận Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh	Lê Quốc Tuấn
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	206A Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	Vũ Xuân Trường
Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng	Lô B1 – 37 Lê Thanh Nghị, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	Lê Văn Tuấn

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 10/8/2010 thì Vốn điều lệ của Công ty là **102.500.000.000 VND** (*Một trăm linh hai tỷ, năm trăm triệu đồng*) và mã số Doanh nghiệp mới là 0100109674. Do có sự thay đổi về thủ tục hành chính nên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 sẽ được đóng dấu mới với mã số Doanh nghiệp là 0100109674.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ



Hoàng Quốc Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2010

Số: ~~654~~ -10/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2010

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 được lập ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") từ trang 10 đến trang 41 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 08, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí giữ 09 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**Ngô Bá Duy**
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1107/KTV

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		355.932.620.619	286.916.514.731
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		47.418.798.585	22.765.533.312
1. Tiền	111	V.01	47.418.798.585	22.765.533.312
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	20.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.349.695.600	161.368.467.297
1. Phải thu của khách hàng	131		107.387.588.300	107.967.856.583
2. Trả trước cho người bán	132		18.726.890.471	24.467.167.392
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	70.235.216.829	28.933.443.322
IV. Hàng tồn kho	140		97.930.343.593	84.946.570.278
1. Hàng tồn kho	141	V.04	97.930.343.593	84.946.570.278
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.213.782.841	7.835.943.844
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		523.566.590	9.900.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.521.649.145	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.01	9.168.567.106	7.826.043.844
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.648.254.238	135.936.850.708
(200 = 210+220+240+250+260+269)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		800.000.000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.05	800.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		106.479.604.045	32.251.330.659
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	43.938.906.689	30.972.740.019
- Nguyên giá	222		61.400.046.186	43.878.387.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.461.139.497)	(12.905.647.563)
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	491.475.600	-
- Nguyên giá	228		491.475.600	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	62.049.221.756	1.278.590.640
III. Bất động sản đầu tư	240	V.09	3.987.117.500	2.772.967.250
- Nguyên giá	241		3.987.117.500	2.772.967.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33.440.000.000	98.086.580.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	33.440.000.000	98.086.580.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.758.252.693	2.825.972.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	7.758.252.693	2.825.972.799
VI. Lợi thế thương mại	269		45.183.280.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		553.580.874.857	422.853.365.439

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		423.159.009.593	315.730.229.063
I. Nợ ngắn hạn	310		293.487.285.831	278.459.056.540
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	28.895.046.203	36.590.660.616
2. Phải trả người bán	312		120.662.353.532	112.087.921.911
3. Người mua trả tiền trước	313		103.425.272.151	115.513.604.426
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.13	13.299.134.567	11.219.351.694
5. Phải trả người lao động	315		506.251.672	360.630.254,00
6. Chi phí phải trả	316		22.714.727	22.988.461
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	22.204.922.973	1.698.646.374
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.471.590.006	965.252.804
II. Nợ dài hạn	330		129.671.723.762	37.271.172.523
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	129.605.231.640	37.259.036.160
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		66.492.122	12.136.363
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		87.635.706.986	102.124.800.841
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	87.635.706.986	102.124.800.841
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.844.625.000	19.879.625.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.709.722.224	6.680.627.736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.269.684.888	1.218.500.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		729.422.974	20.263.796.205
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		42.786.158.278	4.998.335.535
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		553.580.874.857	422.853.365.439

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

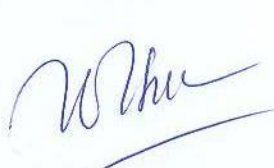
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu



Phạm Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	370.358.016.164	200.416.740.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18	178.393.619	642.344.330
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.19	370.179.622.545	199.774.396.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	339.947.302.356	185.505.265.693
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.232.320.189	14.269.130.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	2.307.343.445	1.369.809.693
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	4.165.721.748	895.085.123
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.165.721.748	895.085.123
8. Chi phí bán hàng	24		39.924.023	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.02	18.310.577.674	9.916.611.710
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.023.440.189	4.827.243.172
11. Thu nhập khác	31	VII.03	630.219.527	262.538.186
12. Chi phí khác	32	VII.04	330.815.442	259.331.557
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		299.404.085	3.206.629
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.322.844.274	4.830.449.801
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.743.785.958	439.866.911
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.579.058.316	4.390.582.890
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		310.192.388	79.437.902
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		7.268.865.928	4.311.144.988
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	1.454	1.232


Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Phạm Thị Hải Yến


 Lê Hoài Thu


 Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		507.164.698.375	373.815.949.777
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(454.864.327.133)	(314.037.966.632)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.893.374.592)	(5.578.339.268)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(4.254.500.498)	(1.472.924.398)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(470.028.613)	(713.522.244)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		164.444.235.563	16.823.223.777
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(224.052.047.763)	(36.459.687.139)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.925.344.661)	32.376.733.873
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(11.355.693.214)	(2.598.263.141)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		796.532.000	118.927.500
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.020.000.000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.715.700.000)	(11.490.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.818.006.315	1.518.609.693
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.476.854.899)	(12.450.725.948)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.592.304.000	5.099.110.000
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		146.559.811.726	122.737.134.426
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(62.894.230.659)	(109.212.821.248)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.202.420.234)	(2.409.400.493)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		88.055.464.833	16.214.022.685
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		24.653.265.273	36.140.030.610
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.765.533.312	43.233.915.066
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	47.418.798.585	79.373.945.676

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hải Yến



Lê Hoài Thu



Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo quyết định số 10A/2009/QĐ - HĐQT ngày 02/02/2009 của Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/01/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 22/06/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 10/8/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02/10/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 23/6/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13/3/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18/6/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 03/8/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 11/12/2009;

Vốn Điều lệ : **80.000.000.000 VND** (Tám mươi tỷ đồng Việt Nam)

Mệnh giá cổ phần: **10.000 VND**

Số cổ phần đã đăng ký mua: **5.000.000 cổ phần**

Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Hồng		(*)
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	109.150
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	76.080
4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C – P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	46.000

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	87.081
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	57.000
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	51.600

(*: Đã chuyển nhượng cổ phần.)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110kv, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hoá;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)
- Tư vấn đấu thầu;

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- + Dịch vụ định giá bất động sản;
- + Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- + Dịch vụ đấu giá bất động sản;
- + Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- + Dịch vụ quản lý bất động sản./.

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 06 công ty
 - Số lượng công ty con được hợp nhất: 06 công ty
1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1
 - Địa chỉ: 206A Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
 2. Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Hồng Hà
 - Địa chỉ: Lô 290 KDC Bình Hòa, P13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 64,52%
 3. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí
 - Địa chỉ: Tầng 9 Cotana Group Building, CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
 4. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí
 - Địa chỉ: Tầng 3 Nhà C, 125 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,21%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
 5. Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công
 - Địa chỉ: K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

6. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long - Địa chỉ: Đội 6, Thôn Suối Này, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty CP Hồng Hà Dầu khí nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/6/2010. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư công nợ nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Công ty chưa áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Công ty sẽ áp dụng Chuẩn mực này khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Phương tiện vận tải	5 - 10
- Máy móc thiết bị	2 - 7
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lô đất 1269 khu B1-35 Tây Nam Hòa Cường - Phường Hòa Cường Nam - TP Đà Nẵng và 03 lô đất tại Bình Hòa - Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Đức Hoàng và góp vốn vào Công ty TNHH ChacKKaPhanh MiNing Group và Công ty Cổ Phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

Tại thời điểm 30/6/2010, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí lãi vay được vốn hoá vào Bất động sản đầu tư là khoản chi phí lãi vay thực tế phải trả Ngân hàng mà Công ty vay để đầu tư lô đất Bình Hòa - Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh khác vào lợi nhuận sau thuế TNDN, cổ tức nhận được từ Công ty con và loại bỏ lợi ích của Cổ đông thiểu số.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu chuyển nhượng Bất động sản, doanh thu khác (doanh thu bán, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng, nhà xưởng...) và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu chuyển nhượng Bất động sản được ghi nhận theo hợp đồng, biên bản bàn giao được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán máy móc thiết bị được xác định khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, giá trị hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí tài chính báo nợ xuống các chi nhánh, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

10.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 30/6/2010, Công ty không tiến hành trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi.

10.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

10.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn

10.4. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% hoặc 5% tùy theo từng mặt hàng.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25 % trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, hoạt động chuyển nhượng Bất động sản và các hoạt động khác (cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng nhà xưởng, bán vật tư), cụ thể:

- Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình.
- Giá vốn chuyển nhượng Bất động sản, bán vật tư là toàn bộ các chi phí hình thành Bất động sản và vật tư.
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị và cho thuê mặt bằng nhà xưởng là chi phí khấu hao và các chi phí khác.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

1. Tiền

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	709.295.357	511.278.944
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	335.380.208	407.964.738
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	50.875.927	45.626.737
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	83.121.553	38.115.969
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	61.906.932	19.571.500
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	25.942.523	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	138.225.123	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	13.843.091	-
Tiền gửi ngân hàng	46.709.503.228	22.254.254.368
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	36.301.030.570	17.123.436.788
Văn phòng Công ty	35.160.744.312	16.056.921.849
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội</i>	4.217.613.123	3.363.636.366
- VND	4.217.613.123	3.363.636.366
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	30.943.131.189	12.693.285.483
- VND	30.943.131.189	12.693.285.483
Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới số 1	107.226.083	181.694.721
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân</i>	107.226.083	181.694.721
Chi nhánh Đà Nẵng	92.741.853	43.293.442
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	92.741.853	43.293.442
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	940.318.322	841.526.776
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn</i>	940.318.322	841.526.776
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	6.940.202.351	3.979.540.814
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	6.714.641.839	3.925.926.989
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	219.815.487	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Đống Đa	5.745.025	53.613.825
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	1.044.909.426	988.347.396
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	1.036.882.793	980.433.295
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	8.026.633	7.914.101

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	540.137.405	162.929.370
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	-	162.929.370
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	540.137.405	-
Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	1.659.062.677	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	1.659.062.677	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	104.922.799	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hà Nội	11.960.187	-
VND	2.027.229	-
USD	9.932.958	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ	62.952.443	-
VND	60.495.905	-
USD	2.456.538	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	1.214.762	-
VND	1.214.762	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - PQD Giang Văn Minh	74.000	-
VND	74.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	27.589.342	-
VND	25.407.801	-
USD	2.181.541	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tiền Hải	1.132.065	-
VND	1.132.065	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	119.238.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	118.238.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.000.000	-
Tổng cộng	47.418.798.585	22.765.533.312

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tây Hà Nội	-	10.000.000.000
Trái phiếu ngắn hạn	20.000.000	-
Tổng cộng	20.000.000	10.000.000.000

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	70.235.216.829	28.933.443.322
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	66.767.616.345	28.041.487.066
Nhạc viện Hà Nội	45.000.000	45.000.000
Công ty Xây dựng số 24	155.970.336	155.970.336
Thu thanh lý tài sản	-	160.000.000
Bảo hiểm y tế	10.080.821	128.566.620
Cổ tức tạm chia	-	4.979.880.000
Công ty Chứng khoán VN Direct	-	50.000.000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	8.840.785.500
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	55.000.000.000	-
Công ty Luật Khai Phong & Cộng sự	33.750.000	33.750.000
Công ty quảng cáo truyền thông Sao Kim	13.725.000	-
Công ty Phần mềm truyền thông Quốc tế Ba Sao	-	9.000.000
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn	-	2.000.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty CP Thanh Phong	-	183.600.000
Dự án 407 Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu	3.436.929.990	3.436.929.990
Công ty Bê tông & Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	100.000.000	100.000.000
Công ty Thiết bị Công nghiệp Anh Vũ - Cần cầu tháp	1.500.000.000	1.500.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	48.527.998	960.118
Trung tâm Tư vấn chuyển giao công nghệ nước sạch và môi trường Ông Trung Anh	140.517.000	140.517.000
Văn phòng luật sư Nam Giang	230.660.132	230.660.132
Văn phòng luật sư Nam Giang	5.000.000	-
Các đối tượng khác	6.047.455.068	6.045.867.370
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>	289.760.584	85.369.612
Thuế thu nhập cá nhân	60.003.584	40.836.743
Bảo hiểm xã hội	-	15.543.823
Bảo hiểm y tế	-	202.046
Phải thu khác	229.757.000	28.787.000
<i>Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà</i>	-	586.644
Thuế thu nhập cá nhân	-	586.644

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	8.498.928	806.000.000
Công ty Bất động sản Thành Nam	-	800.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	6.000.000
Bảo hiểm y tế	8.498.928	-
Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	231.750.000	-
Phải thu của Ban quản lý dự án	14.500.000	-
Các khoản phải thu khác	217.250.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	1.699.965.972	-
Phòng kinh doanh	59.451.715	-
Tiền phạt thuế	151.764.884	-
Trả hộ khách hàng DN Chori	75.128.153	-
Thu hộ, nộp hộ BHXH các chi nhánh	23.846.304	-
Công nợ điều chuyển từ xí nghiệp Hà Thái	53.218.236	-
Công ty XNK Thanh Phong (Thanh lý tài sản)	71.523.016	-
BHXH, BHYT, KPCĐ	46.960.474	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.250.261	-
Nguyễn Văn Tịnh	175.000.000	-
Nguyễn Đức Lương	1.439.340	-
Nguyễn Thu Nga	217.089.361	-
Ông Trưởng	229.378.753	-
Vũ Thúy Hải	48.780.000	-
Phạm Khắc Xương	169.807.840	-
Nguyễn Trung Kiên	676.890	-
Vé máy bay	16.456.140	-
Công ty Ứng dụng công nghệ mới và du lịch (Newtatco)	62.886.000	-
Công ty Cổ phần TV Kinh tế kỹ thuật XD Việt Nam	228.080.000	-
Viện địa kỹ thuật	36.000.000	-
Cán bộ CNV	11.150.989	-
Đối tượng khác	20.077.616	-

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	1.237.625.000	-
Thôn Suối Này	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xây lắp Tân Kiên	293.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ	118.625.000	-
Công ty Cổ phần XNK Cơ điện Thanh Phong (Xây trạm điện)	714.000.000	-
Thu khác (Nhân viên đã nghỉ việc)	2.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Hồng Hà Dầu Khí	10.000.000	-
Tổng cộng	70.235.216.829	28.933.443.322

4. Hàng tồn kho

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	81.542.855	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	81.542.855	-
Công cụ dụng cụ	2.045.450	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	2.045.450	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	97.522.042.269	84.946.570.278
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	61.190.258.930	67.222.391.781
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	24.580.510.621	16.799.866.417
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	1.456.723.315	462.123.988
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	822.927.488	462.188.092
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	9.471.621.915	-
Thành phẩm	324.713.019	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	324.713.019	-
Tổng cộng	97.930.343.593	84.946.570.278

5. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	800.000.000	-
<i>Bất động sản Thành Nam</i>	<i>800.000.000</i>	-
Tổng cộng	800.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010***(tiếp theo)***6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư ngày 01/01/2010	5.771.803.224	30.364.322.519	7.097.466.312	644.795.527	43.878.387.582
- Mua trong năm	-	1.373.877.056	-	148.675.000	1.522.552.056
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.173.399.858	11.526.761.210	-	-	12.700.161.068
- Tăng khác	1.750.786.357	1.724.285.745	796.781.831	125.426.400	4.397.280.333
- Thanh lý, nhượng bán	-	(585.728.489)	(490.606.364)	(22.000.000)	(1.098.334.853)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 30/06/2010	8.695.989.439	44.403.518.041	7.403.641.779	896.896.927	61.400.046.186
Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư ngày 01/01/2010	1.122.003.253	9.829.335.810	1.676.263.706	278.044.794	12.905.647.563
- Khấu hao trong năm	321.391.030	2.936.648.414	665.982.618	81.436.527	4.005.458.589
- Tăng khác	437.546.586	507.388.262	276.342.975	98.293.070	1.319.570.893
- Thanh lý, nhượng bán	-	(543.118.228)	(204.419.320)	(22.000.000)	(769.537.548)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 30/06/2010	1.880.940.869	12.730.254.258	2.414.169.979	435.774.391	17.461.139.497
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2010	4.649.799.971	20.534.986.709	5.421.202.606	366.750.733	30.972.740.019
- Tại ngày 30/06/2010	6.815.048.570	31.673.263.783	4.989.471.800	461.122.536	43.938.906.689

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2010	-	-
Mua trong năm	-	-
Tăng khác	491.475.600	491.475.600
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	491.475.600	491.475.600
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2010	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2010	-	-
Tại ngày 30/06/2010	491.475.600	491.475.600

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	1.365.475.736	1.237.812.463
Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	1.365.475.736	1.237.812.463
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	40.778.177	40.778.177
Công trình Cửa Lò	40.778.177	40.778.177
Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	49.180.568.662	-
Dự án khu đô thị mới Tứ Hiệp	49.180.568.662	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	11.462.399.181	-
Công trình nhà văn phòng K3B Thành Công	11.462.399.181	-
Tổng cộng	62.049.221.756	1.278.590.640

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2010
Nguyên giá BĐS đầu tư	2.772.967.250	3.171.884.250	1.957.734.000	3.987.117.500
Nhà biệt thự	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	2.772.967.250	3.171.884.250	1.957.734.000	3.987.117.500
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Nhà biệt thự	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	2.772.967.250			3.987.117.500
Nhà biệt thự	-			-
Quyền sử dụng đất	2.772.967.250			3.987.117.500

10. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Công ty TNHH ChacKKaPhanh MiNing Group	18.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Đức Hoàng	10.000.000.000	-
Công ty CP KD Tổng hợp Việt Lào	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thanh Phong	-	20.098.580.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	2.000.000.000
Cty TNHH XD&TM Quang Long	-	9.078.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	66.910.000.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cơ điện Thanh Phong	300.000.000	-
Tổng cộng	33.440.000.000	98.086.580.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	2.892.456.308	2.355.692.033
Giá trị lợi thế kinh doanh	112.466.045	149.954.726
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	1.035.137.457	1.380.183.275
Giá trị thương hiệu	150.000.000	200.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	469.852.807	625.554.032

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	1.125.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	203.811.338	161.475.705
Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng Công ty	28.256.543	11.000.000
Chi phí thuê văn phòng Công ty	32.010.000	30.250.000
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	143.544.795	120.225.705
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	54.930.516	64.536.589
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	54.930.516	64.536.589
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	195.619.448	244.268.472
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	74.987.390	123.636.415
Chi phí sửa chữa Văn phòng tại CC5A	120.632.058	120.632.057
Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	55.849.585	-
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	55.849.585	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	77.480.000	-
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	77.480.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	4.278.105.498	-
Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn 39 năm	641.479.000	-
Chi phí trước hoạt động chờ phân bổ	3.168.324.485	-
Chi phí thiết kế mỏ	50.000.000	-
Chi phí vận chuyển cấp quang ra mỏ đá	50.000.000	-
Công cụ dụng cụ	368.302.013	-
Tổng cộng	7.758.252.693	2.825.972.799

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	27.895.046.203	28.005.680.064
Văn phòng Công ty	24.000.088.895	25.793.100.060
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	3.151.355.512	25.793.100.060
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội	20.848.733.383	-
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	3.894.957.308	2.212.580.004
Ngân hàng TMCP Quân đội CN Bắc Sài Gòn	3.894.957.308	2.212.580.004
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	1.000.000.000	8.584.980.552
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.000.000.000	8.584.980.552
Tổng cộng	28.895.046.203	36.590.660.616

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2010
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.761.138.660	13.879.654.227	13.993.604.794	9.647.188.093
Thuế TNDN	1.271.061.259	2.743.785.958	470.028.613	3.544.818.604
Thuế thu nhập cá nhân	187.151.775	710.805.132	802.810.502	95.146.405
Thuế tài nguyên	-	1.815.520	1.815.520	-
Thuế nhà đất	-	109.664.800	109.664.800	-
Các loại thuế khác	-	30.935.265	18.953.800	11.981.465
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.219.351.694			13.299.134.567

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	10.901.292.502	1.658.859.390
Kinh phí công đoàn	161.355.697	108.853.886
Bảo hiểm xã hội	70.593.063	100.962.218
Bảo hiểm y tế	10.639.754	13.193.715
Bảo hiểm thất nghiệp	4.637.060	6.881.917
Cổ tức phải trả	304.478.000	152.228.234
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390.000.000	390.000.000
Công ty Công nghệ Quản lý và tin học - Website	-	3.600.000
Công ty Thương mại Dịch vụ HTX	43.000.000	43.000.000
Trường trung cấp cảnh sát vũ trang	200.000.000	200.000.000
Tiền ủng hộ các loại	15.938.025	18.880.000
Đặt cọc thuê thiết bị	-	32.514.000
Thuế TNCN	1.774.994	2.227.050
Công ty ĐTTM Du lịch Thăng Lợi	76.020.990	-
CTy CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí - vay vốn	-	-
Tiền bán cổ phần	9.216.504.000	-
Phải trả khác	406.350.919	586.518.370
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	62.797.001	26.170.269

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Kinh phí công đoàn	54.755.600	24.508.038
Bảo hiểm xã hội	4.318.347	-
Bảo hiểm y tế	1.648.277	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.132.095	-
Nguyễn Minh	300.000	300.000
Nguyễn Thị Bích Thu	-	350.922
Phạm Thị Tuyết Thanh	150.000	150.000
Lê Đức Tú	492.682	-
Phải trả khác	-	861.309
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	24.455.939	11.052.400
Kinh phí công đoàn	7.450.388	3.020.400
Bảo hiểm xã hội	8.168.292	6.425.600
Bảo hiểm y tế	1.670.787	963.840
Bảo hiểm thất nghiệp	742.572	642.560
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.423.900	-
Trần Thanh Tùng	6.419.700	-
Nguyễn Trọng Vinh	4.200	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	14.901.352	2.564.315
Bảo hiểm xã hội	13.705.300	2.293.525
Bảo hiểm y tế	1.196.052	270.790
Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	55.223.563	-
Phải trả phải nộp khác	55.223.563	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	7.861.247.616	-
Kinh phí công đoàn	3.648.580	-
BHYT	9.522.876	-
Vay ngắn hạn - Công ty CP Dầu khí Hồng Hà	-	-
HD thuê xây lắp - Công ty CP Dầu khí Hồng Hà	-	-
Công ty XDTN	13.513.110	-
Phạm Thanh Sơn	7.070.999	-
Vũ Kim Dung	52.862.758	-
Trần Thị Thiên Hương	14.540.758	-
Vũ Ngọc Khuê	-	-

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Đỗ Thị Mai	14.726.251	-
Nguyễn Tuấn Anh	12.389.328	-
Lê Ngọc Hân	24.500.000	-
Trần Giang	18.000.000	-
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2008	11.500.000	-
Phí Thị Xuân	15.400.000	-
Lê Minh Loan	13.300.000	-
Trần Văn Hùng	14.906.140	-
Trịnh Sơn Đoài	2.873.608	-
Phải thu khác của Xí nghiệp Hà Thái điều chuyển về	2.045.450	-
Cao Thị Kim Thơm	1.974.780	-
Ban dự án	1.307.460.126	-
Công ty CP Thanh Phong- Chi nhánh Sơn La	1.603.182.095	-
XN xây dựng công trình	4.717.830.757	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	3.285.005.000	-
BHXH, BHYT, BHTN	3.180.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Vũ Long	931.825.000	-
Ông Trần Tiến Tùng	150.000.000	-
Tổng cộng	22.204.922.973	1.698.646.374

15. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	129.605.231.640	37.259.036.160
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	128.914.431.640	37.259.036.160
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân</i>	<i>28.914.431.640</i>	<i>37.259.036.160</i>
<i>Trái phiếu phát hành</i>	<i>100.000.000.000</i>	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	690.800.000	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội</i>	<i>690.800.000</i>	-
Tổng cộng	129.605.231.640	37.259.036.160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2009	20.000.000.000	13.598.375.000	6.672.270.582	40.270.645.582
Tăng vốn trong năm nay	30.000.000.000	6.625.000.000	-	36.625.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	20.114.996.205	20.114.996.205
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	(343.750.000)	(6.523.470.582)	(6.867.220.582)
Số dư ngày 31/12/2009	50.000.000.000	19.879.625.000	20.263.796.205	90.143.421.205
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	7.268.865.928	7.268.865.928
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	(35.000.000)	(26.803.239.159)	(26.838.239.159)
Số dư ngày 30/06/2010	50.000.000.000	19.844.625.000	729.422.974	70.574.047.974

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận, được chia:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	30.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.808.500.000	4.460.991.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

16.4 Cổ phiếu:

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Năm 2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	5.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	-	-
Cổ phiếu phổ thông:	-	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

16.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 30/06/2010
Quỹ đầu tư phát triển	6.680.627.736	4.029.094.488	-	10.709.722.224
Quỹ dự phòng tài chính	1.218.500.000	1.051.184.888	-	2.269.684.888
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.082.251.900	-	-	4.082.251.900
Tổng cộng	11.981.379.636	5.080.279.376	-	17.061.659.012

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	361.351.787.064	196.275.447.476
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	4.050.000.000	-
Doanh thu khác	4.956.229.100	4.141.292.859
Tổng cộng	370.358.016.164	200.416.740.335

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giảm giá hàng bán (điều chỉnh giảm quyết toán công trình)	178.393.619	642.344.330
Điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động xây lắp	178.393.619	642.344.330
Tổng cộng	178.393.619	642.344.330

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	361.173.393.445	195.633.103.146
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	4.050.000.000	-
Doanh thu khác	4.956.229.100	4.141.292.859
Tổng cộng	370.179.622.545	199.774.396.005

20. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	334.740.886.344	182.849.491.112
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	1.762.734.000	-
Giá vốn hoạt động khác	3.443.682.012	2.655.774.581
Tổng cộng	339.947.302.356	185.505.265.693

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	646.944.658	1.369.809.693
Lãi cổ tức, trái phiếu	-	-
Lãi khác	1.660.398.787	-
Tổng cộng	2.307.343.445	1.369.809.693

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

22. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.165.721.748	895.085.123
Tổng cộng	4.165.721.748	895.085.123

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Chi phí nguyên, vật liệu	329.583.265.337	231.882.906.741
Chi phí nhân công	71.541.438.694	39.053.764.775
Chi phí máy thi công	13.626.380.635	25.458.129.509
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.897.473.229	1.372.147.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	49.256.205.752	29.877.424.451
Tổng cộng	467.904.763.647	327.644.372.815

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.268.865.928	4.311.144.988
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.268.865.928	4.311.144.988
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.454	1.232

VII. Những thông tin khác

1. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	dd/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	2.130.927.852	533.636.389
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	<i>109.224.000</i>	<i>87.522.401</i>
Văn phòng Công ty	36.797.300	42.230.400
Ngô Thị Ngọc Lan	36.797.300	42.230.400

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	45.450.000	45.292.001
<i>Lê An Giang</i>	<i>5.500.000</i>	<i>3.000.000</i>
<i>Nguyễn Quang Liên</i>	<i>-</i>	<i>21.309.000</i>
<i>Nguyễn Ngọc Lương</i>	<i>27.850.000</i>	<i>13.460.001</i>
<i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
<i>Ngô Trung Hưng</i>	<i>10.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Hồ Quang Thái</i>	<i>600.000</i>	<i>-</i>
<i>Nguyễn Minh Trí</i>	<i>-</i>	<i>6.023.000</i>
Chi nhánh Đà Nẵng	26.976.700	-
<i>Lê Văn Tuấn</i>	<i>26.866.000</i>	<i>-</i>
<i>Phan Thanh Sơn</i>	<i>110.700</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	62.500.000	26.434.400
Lý Đăng Toàn	5.000.000	5.000.000
Đỗ Thị Hồng Thúy	-	8.434.400
Nguyễn Minh Cảnh	8.000.000	8.000.000
Nguyễn Văn Huy	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Việt Hùng	3.000.000	3.000.000
Cai Vĩ Thành	1.000.000	-
Phạm Quốc Mạnh	3.500.000	-
Trương Công Nam	20.000.000	-
Vũ Tiến Thanh	20.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	384.784.320	419.679.588
Lê Thị Phương Bắc	4.969.396	4.969.396
Trần Thị Út Em	3.000.000	-
Nguyễn Đình Thanh	10.000.000	10.000.000
Ninh Văn Phát	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Xuân Tuấn	15.506.171	700.000
Nguyễn Quý Hoan	14.919.818	14.919.818
Trần Văn Danh	2.088.934	3.318.934
Vũ Ngọc Tuệ	25.000.000	25.000.000
Nguyễn Hữu Tuất	144.325.351	209.056.245
Lại Trường Giang	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Minh Hiến	-	43.000.000
Nguyễn Thị Năm	-	1.422.745
Nguyễn Thị Tuyết Mai	41.420.650	43.296.650
Trần Thanh Tùng	-	30.500.000

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Hoàn Văn Chung	45.000.000	-
Đặng Văn Thuận	46.554.000	-
Đối tượng khác	-	1.495.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	24.694.971	-
Lê Huy Cường	14.574.273	-
Phan Viết Gắm	120.698	-
Hà Ly	10.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	1.549.724.561	-
Đoàn Trọng Nghĩa	3.304.580	-
Hoàng Minh Cường	160.949.342	-
Kiều Văn Thanh	8.881.800	-
Nguyễn Thị Hào	2.500.000	-
Nguyễn Trung Kiên	1.300.000	-
Nguyễn Vũ Dũng	76.483.000	-
Nguyễn Xuân Hoà	225.000	-
Phan Thanh Thắm	30.000.000	-
Trần Hữu Tươi	300.000	-
Trần Thị Tuyết Nhung	88.241.690	-
Trần Văn Hùng	287.162.827	-
Cán bộ Xí Nghiệp XNK Thanh Phong (cũ)	45.182.197	-
Ban xây dựng	23.825.883	-
Phòng kinh doanh 1	281.445.488	-
Phòng kinh doanh 2	539.922.754	-
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.037.639.254	7.292.407.455
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	6.537.047.522	7.180.535.870
Văn phòng Công ty	6.501.262.622	7.005.785.870
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	6.501.262.622	7.005.785.870
- VND	6.501.262.622	7.005.785.870
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	35.784.900	174.750.000
Ký quỹ Bưu điện	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ bảo lãnh NHTMCP Quân đội	6.984.900	169.750.000
Đặt cọc thuê xe ô tô	10.000.000	-
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	13.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	-	72.871.585
Ký quỹ đảm bảo thanh toán	-	72.871.585

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

<i>Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà</i>	39.000.000	39.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công</i>	461.591.732	-
Bảo lãnh VND - Ngân hàng TMCP Quân đội CN Thanh Xuân	456.587.990	-
Dư Nợ Trên TK 335	5.003.742	-
Tổng cộng	9.168.567.106	7.826.043.844

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi phí nhân viên	9.207.344.720	5.242.430.509
Chi phí vật liệu quản lý	-	41.850.138
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.209.765.646	740.439.114
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.442.439.268	646.064.475
Thuế, phí và lệ phí	156.554.362	69.588.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.983.702.733	2.169.012.354
Chi phí khác bằng tiền	2.310.770.945	1.007.226.737
Tổng cộng	18.310.577.674	9.916.611.710

3. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	578.881.455	262.538.186
Thu nhập khác	51.338.072	-
Tổng cộng	630.219.527	262.538.186

4. Chi phí khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	328.797.305	258.425.063
Chi phí khác	2.018.137	906.494
Tổng cộng	330.815.442	259.331.557

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/09 đến ngày 30/06/2009 do Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí lập.

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu



Phạm Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Hoàng Quốc Huy

